TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2021/KDTM-PT
Ngày: 05-4-2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Linh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo

Ông Bùi Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thế Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26/3, ngày 02/4 và ngày 05/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2021/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 01 năm 2021 về "*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*", do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2020/KDTM-ST ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXPT-KDTM ngày 02 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ A; Địa chỉ: Số 171 Đại lộ Bình Dương, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị H - Chức vụ: Kế toán; Địa chỉ: Xã T, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh; Địa chỉ liên hệ: 727/32 Lê Hồng Phong, tổ 10, khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Theo Giấy ủy quyền ngày 25/4/2020). "Có mặt"

+ *Bị đơn:* Công ty TNHH Việt Nam JS; Địa chỉ trụ sở chính: Số 30 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, thành phố Th, tỉnh Bình Dương; Địa chỉ chi nhánh: KCN C1, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo pháp luật: Ông Boo Kyung P - Chức vụ: Tổng giám đốc "Vắng mặt"

Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ A trình bày:

Chi nhánh Công ty TNHH Việt Nam JS (sau đây viết tắt là Công ty JS) đã ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ A (sau đây viết tắt là Công ty A) yêu cầu cung cấp dịch vụ Bảo vệ nhà máy tại địa chỉ khu công nghiệp C1, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước. Các hợp đồng như sau:

Hợp đồng số 35/2017/HĐ-AC ngày 26/4/20017, hiệu lực từ ngày 01/5/2017 đến ngày 30/4/2018, giá dịch vụ là 107.184.000 đồng; kèm theo Phụ lục hợp đồng số 09/2018/PLHĐ đã lý điều chỉnh tăng giá và có hiệu lực từ ngày 01/8/2018 với giá dịch vụ 122.184.000 đồng/tháng;

Hợp đồng số 29/2018/HĐ-AC ký ngày 28/4/2018, hiệu lực từ ngày 01/5/2018 đến ngày 30/4/2019 với giá dịch vụ là 122.184.000 đồng/tháng; kèm theo Phụ lục hợp đồng số 41/2018/PLHĐ đã ký điều chỉnh giảm vụ trí B vệ và phí dịch vụ với giá 68.592.000đồng, có hiệu lực kể từ ngày 12/9/2018.

Khi Hợp đồng số 29/2018/HĐ-AC ký ngày 28/4/2018 hết hiệu lực, đã ký gửi Phụ lục số 16-1/2019/PLHĐ ngày 26/4/2019 gia hạn hợp đồng thêm một năm từ ngày 01/5/2019 đến ngày 30/4/2020 và chưa nhận lại Phụ lục. Tuy nhiên, phía Công ty A vẫn tiếp tục cung ứng dịch vụ đến ngày 31/12/2019 thì ngưng không cung ứng dịch vụ nữa.

Trong quá trình hợp tác, phía chi nhánh Công ty JS nhiều lần vi phạm hợp đồng về việc thanh toán phí dịch vụ và Công ty A đã nhiều lần trực tiếp đòi nợ và gửi công văn đòi nợ nhưng phía Công ty JS vẫn cứ khất hẹn lần này đến lần khác. Tổng cộng, Công ty JS nợ Công ty A tính từ ngày 28/02/2018 đến ngày 31/12/2019 là 1.997.523.440 đồng, cụ thể nợ phí dịch vụ từ tháng 02/2018 đến tháng 12/2019 (trong đó có tháng 6 của năm 2018 đã trả xong). Vì vậy, nay Công ty A yêu cầu Công ty JS và chi nhánh Công ty JS trả lại cho Công ty A số tiền 1.997.523.440 đồng là tiền nợ gốc và lãi chậm thanh toán do vi phạm hợp đồng tạm tính đến ngày 11/5/2020 là 330.822.660 đồng và tính đến ngày 11/11/2020 là: 452.936.152 đồng và tiếp tục trả cho đến khi giải quyết xong vụ án. Theo mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương là 0,68%/tháng x 150%.

Đối với bị đơn Công ty JS mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia làm việc và tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng Công ty JS vẫn vắng mặt không lý do nên không thể ghi nhận ý kiến của Công ty JS.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2020/KDTM-ST ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu yêu cầu khởi kiện của Công ty A. Buộc Công ty JS có trách nhiệm thanh toán cho Công ty A tổng số tiền phí dịch vụ còn thiếu từ tháng 2/2018 đến tháng 4/2019 là: 1.431.639.440 đồng và tiền phạt vi phạm hợp

đồng do vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán phí dịch vụ Bảo vệ là 262.025.550 đồng. Tổng cộng là: 1.693.664.990 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty A đối với yêu cầu thanh toán phí dịch vụ Bảo vệ từ tháng 5/2019 đến ngày 31/12/2019 là: 565.884.000 đồng và số tiền phạt vi phạm hợp đồng do vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán phí dịch vụ Bảo vệ với số tiền chênh lệch không được chấp nhận là: 190.910.602 đồng. Tổng cộng là: 756.794602 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/11/2020, nguyên đơn Công ty A kháng cáo Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết toàn bộ vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tố tụng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án tại cấp phúc thẩm đến nay, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (TTDS); Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của Công ty A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty A làm trong thời hạn luật định, thực hiện đúng quyền và có hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các điều 271, 272 và 273 Bộ luật TTDS nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Công ty A:

[2.1] Ngày 28/4/2018, Công ty A và Chi nhánh Công ty JS ký kết Hợp đồng dịch vụ số 29/2018/HĐ-AC ký ngày 28/4/2018 với nội dung Công ty A cung cấp dịch vụ Bảo vệ cho Chi nhánh Công ty JS tại KCN C1, hiệu lực hợp đồng từ ngày 01/5/2018 đến ngày 30/4/2019, với phí dịch vụ là 122.184.000 đồng/tháng. Đến ngày 12/9/2018, các bên tiếp tục ký kết Phụ lục hợp đồng số 41/2018/PLHĐ điều chỉnh giảm vị trí B vệ và phí dịch vụ với giá là 68.592.000 đồng, có hiệu lực kể từ ngày 12/9/2018 đến ngày 30/4/2019. Xét các bên ký kết Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng nêu trên do tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 74 Luật Thương mại nên các Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp

đồng. Do Chi nhánh Công ty JS vi phạm nghĩa vụ thanh toán phí dịch vụ Bảo vệ trong thời gian từ ngày 01/5/2018 đến ngày 30/4/2019 nên Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty JS thanh toán phí dịch vụ Bảo vệ và được Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc Chi nhánh Công ty JS phải thanh toán phí dịch vụ Bảo vệ từ tháng 2/2018 đến tháng 4/2019 với số tiền 1.693.664.990 đồng là có căn cứ.

[2.2] Sau khi kết thúc thời hạn theo thỏa thuận của Hợp đồng dịch vụ số 29/2018/HĐ-AC ngày 28/4/2018 và Phụ lục hợp đồng số 41/2018/PLHĐ ngày 12/9/2018, phía Công ty A đã gửi Phụ lục hợp đồng số 16-1/2019/PLHĐ ngày 26/4/2019 (sau đây viết tắt là Phụ lục hợp đồng số 16-1) có nội dung gia hạn thời hạn hợp đồng thêm một năm từ ngày 01/5/2019 đến ngày 30/4/2020.

Chứng cứ phía Công ty A cung cấp để chứng minh việc đã gửi Phụ lục hợp đồng số 16-1 cho phía Công ty JS thể hiện: "*Hôm nay vào lúc 11"00 ngày 13/11/2018 tôi Bùi Văn Hoàng B vệ A cho gửi cho Công ty JS 01 phong bì gửi Ban giám đốc công ty JS, người nhận Phạm Thị Huyền Tr, người giao Bùi Văn H2*" (BL 53). Ngoài ra, tại văn bản họp của Công ty JS ngày 29/3/2019 về vấn đề công nợ, phía Công ty JS đã cam kết *"Tháng tư 01/4/2019 thanh toán 10.000 USD chia làm 2 lần; tháng 5, 6, 7, 8 bắt đầu từ tháng 5 mỗi tuần trả 5.000 USD"* (BL 13); văn bản ngày 14/8/2019 (do nguyên đơn giao nộp tại phiên tòa phúc thẩm) thể hiện: *"Bên phía Công ty JS nhận 01 Công văn số 113/CV-BVAC ngày: 14/8/2019 và từ ngày nay tới 30/08/2019 Cty JS sẽ ký cho chúng tôi việc trả nợ theo lưu trình và trả lời Công văn cho Cty. Hóa đơn T7/2019 bên phía Công JS sẽ nhận và bổ sung còn lại vào phí T8/2019"*, điều này có có sở xác định trong thời gian sau ngày 30/4/2019 (thời điểm hết hiệu lực của Hợp đồng dịch vụ số 29/2018/HĐ-AC ngày 28/4/2018 và Phụ lục hợp đồng số 41/2018/PLHĐ ngày 12/9/2018), Chi nhánh Công ty JS vẫn hoạt động trên thực tế và Công ty A vẫn tiếp tục cung cấp dịch vụ Bảo vệ cho Chi nhánh Công ty JS theo thỏa thuận trước đây; đồng thời, phù hợp với chứng cứ do đại diện Công ty A giao nộp tại phiên tòa phúc thẩm về việc Công ty A đã xuất 08 hóa đơn GTGT trong thời gian từ 31/5/2019 đến 31/12/2019 và đã thực hiện nghĩa vụ thuế liên quan theo quy định (được Chi cục thuế thành phố T xác nhận). Tổng số tiền theo 08 hóa đơn GTGT này và thuế là 756.794.602 đồng chính là phí dịch vụ Bảo vệ mà Công ty JS phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A trong thời gian từ 01/5/2019 đến ngày 31/12/2019.

Đến ngày 01/01/2020, Công ty A chấm dứt cung cấp dịch vụ Bảo vệ và bàn giao mục tiêu cho Chi nhánh Công ty JS (BL22).

[3] Như vậy, qua tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm có cơ sở xác định trong khoảng thời gian từ 01/5/2019 đến ngày 31/12/2019, mặc dù Công ty JS không ký kết Phụ lục hợp đồng số 16-1, nhưng trên thực tế Công ty A vẫn cung cấp dịch vụ Bảo vệ cho Chi nhánh Công ty JS và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chịu thuế theo quy định; Chi nhánh Công ty JS thực tế vẫn sử dụng dịch vụ Bảo vệ do Công ty A cung cấp, nên việc Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty JS phải thanh toán phí dịch vụ Bảo vệ trong khoảng thời

gian này là có cơ sở, nên kháng cáo của Công ty A được Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa một phần Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do Bản án sơ thẩm bị sửa một phần nên cần điều chỉnh nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với Công ty JS do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn Công ty A không phải chịu án phí sơ thẩm.

[5] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của Công ty A được chấp nhận nên Công ty A không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty A. Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2020/KDTM-ST ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng các Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 513, Điều 521 Bộ luật Dân sự; Các Điều 74, 85 Luật Thương mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ A. Buộc Công ty TNHH Việt Nam JS có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ A số tiền phí dịch vụ Bảo vệ còn nợ và tiền phạt vi phạm hợp đồng do vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán phát sinh, cụ thể như sau:

- Phí dịch vụ Bảo vệ từ tháng 02/2018 đến tháng 4/2019 là 1.431.639.440 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng do vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán phí dịch vụ Bảo vệ là 262.025.550 đồng. Tổng cộng là 1.693.664.990 đồng;

- Phí dịch vụ Bảo vệ từ tháng 5/2019 đến ngày 31/12/2019 là 565.884.000 đồng và số tiền phạt vi phạm hợp đồng do vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán phí dịch vụ Bảo vệ là 190.910.602 đồng. Tổng cộng là 756.794.602 đồng.

Tổng cộng các khoản là 2.450.459.592 đồng (Hai tỷ bốn trăm năm mươi triệu bốn trăm năm mươi chín ngàn năm trăm chín mươi hai đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều

468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Nguyên đơn Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bình Phước trả lại cho Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ A số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 39.283.461 đồng (Ba mươi chín triệu hai trăm tám mươi ba ngàn bốn trăm sáu mươi mốt đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004252, quyển số 0086, ngày 21 tháng 5 năm 2020.

- Bị đơn Công ty TNHH Việt Nam JS phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 72.000.000đ + (2% x 450.459.592đ) = 81.009.192 đồng (Tám mươi mốt triệu không trăm lẻ chín ngàn một trăm chín mươi hai đồng).

4. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Nguyên đơn Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bình Phước trả lại cho Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ A số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002592, quyển số 0052, ngày 26 tháng 11 năm 2020.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Hoàng Linh